

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ HK2/2019-2020
BẬC SAU ĐẠI HỌC

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1	16025001	Bùi Ngọc Anh	K16SDHCH	K23ATTT	7,950,000	7,552,500	0	15,502,500	
2	16025057	Nguyễn Vũ Linh	K16SDHCH	K23ATTT	7,950,000	7,552,500	0	15,502,500	
3	16025006	Đỗ Công Thành	K16SDHCH	K23ATTT	15,150,000	7,552,500	0	22,702,500	
4	16025009	Trần Thị Tươi	K16SDHCH	K23ATTT	16,590,000	7,552,500	0	24,142,500	
5	16025005	Lê Anh Sơn	K16SDHCH	K23ATTT	23,925,000	7,552,500	0	31,477,500	
6	16025055	Phạm Minh Đức	K16SDHCH	K23ATTT	26,895,000	7,552,500	0	34,447,500	
7	16025004	Nguyễn Trọng Nguyên	K16SDHCH	K23ATTT	30,387,000	7,552,500	0	37,939,500	
8	16025092	Đặng Hồng Quân	K16SDHCH	K23CĐT	19,470,000	7,552,500	0	27,022,500	
9	16025042	Nguyễn Mạnh Cường	K16SDHCH	K23ĐT VT	15,150,000	7,552,500	0	22,702,500	
10	16025043	Lương Minh Hải	K16SDHCH	K23ĐT VT	22,350,000	7,552,500	0	29,902,500	
11	16025086	Phan Đình Bắc	K16SDHCH	K23ĐT VT	41,220,000	7,552,500	0	48,772,500	
12	16025017	Trần Anh Dũng	K16SDHCH	K23HTTT	0	7,552,500	0	7,552,500	
13	16025021	Hoàng Đức Thọ	K16SDHCH	K23HTTT	0	7,552,500	0	7,552,500	
14	16025033	Đỗ Văn Việt	K16SDHCH	K23HTTT	0	7,552,500	0	7,552,500	
15	16025071	Nguyễn Tuấn Anh	K16SDHCH	K23HTTT	7,950,000	7,552,500	0	15,502,500	
16	16025066	Lê Xuân Lâm	K16SDHCH	K23HTTT	19,470,000	7,552,500	0	27,022,500	
17	16025020	Nguyễn Đình Phú	K16SDHCH	K23HTTT	22,350,000	7,552,500	0	29,902,500	
18	16025030	Đặng Văn Hoạch	K16SDHCH	K23HTTT	28,875,000	7,552,500	0	36,427,500	
19	16025025	Phạm Văn Thế Anh	K16SDHCH	K23HTTT	29,487,000	7,552,500	0	37,039,500	
20	16025019	Văn Thị Nhật	K16SDHCH	K23HTTT	30,099,000	7,552,500	0	37,651,500	
21	16025027	Nguyễn Duy Cường	K16SDHCH	K23HTTT	30,774,000	7,552,500	0	38,326,500	
22	16025018	Nguyễn Minh Hòa	K16SDHCH	K23HTTT	35,400,000	7,552,500	0	42,952,500	
23	16025065	Nguyễn Anh Dũng	K16SDHCH	K23HTTT	37,416,000	7,552,500	0	44,968,500	
24	16025031	Đình Quang Hồng	K16SDHCH	K23HTTT	43,545,000	7,552,500	0	51,097,500	
25	16025075	Nguyễn Đức Anh	K16SDHCH	K23KHMT	16,590,000	7,552,500	0	24,142,500	
26	16025081	Nguyễn Đình Mạnh	K16SDHCH	K23KHMT	19,470,000	7,552,500	0	27,022,500	
27	16025038	Đoàn Văn Mạnh	K16SDHCH	K23KHMT	28,875,000	7,552,500	0	36,427,500	
28	16025063	Trần Ngọc Thanh	K16SDHCH	K23KTPM	7,950,000	7,552,500	0	15,502,500	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
29	16025015	Nguyễn Văn Thiệu	K16SDHCH	K23KTPM	16,050,000	7,552,500	0	23,602,500	
30	16025013	Lã Thị Hương	K16SDHCH	K23KTPM	16,500,000	7,552,500	0	24,052,500	
31	16025062	Nguyễn Duy Quang	K16SDHCH	K23KTPM	20,370,000	7,552,500	0	27,922,500	
32	16025011	Trần Thị Hoan	K16SDHCH	K23KTPM	23,700,000	7,552,500	0	31,252,500	
33	16025059	Phạm Đức Bình	K16SDHCH	K23KTPM	24,132,000	7,552,500	0	31,684,500	
34	16025058	Phạm Tuấn Anh	K16SDHCH	K23KTPM	28,020,000	7,552,500	0	35,572,500	
35	16025012	Nguyễn Mạnh Hùng	K16SDHCH	K23KTPM	28,875,000	7,552,500	0	36,427,500	
36	16025067	Đỗ Thị Diệu Huyền	K16SDHCH	K23TDL-MMT	20,820,000	7,552,500	0	28,372,500	
37	16025068	Đỗ Thành Long	K16SDHCH	K23TDL-MMT	22,350,000	7,552,500	0	29,902,500	
38	16025094	Nguyễn Thị Thanh Bình	K16SDHCH	K23VLKT	32,520,000	7,552,500	0	40,072,500	
39	16025096	Bùi Phạm Huy Hoàng	K16SDHCH	K23VLKT	32,520,000	7,552,500	0	40,072,500	
40	17025069	Bùi Văn Minh	K17SDHCH	K24ATTT	4,770,000	7,552,500	0	12,322,500	
41	17025001	Lã Xuân Kiên	K17SDHCH	K24ATTT	8,694,000	7,552,500	0	16,246,500	
42	17025120	Nguyễn Khâm Hồng Quang	K17SDHCH	K24ĐTVT	0	7,552,500	0	7,552,500	
43	17025122	Vũ Minh Thoại	K17SDHCH	K24ĐTVT	4,770,000	7,552,500	0	12,322,500	
44	17025126	Hà Thế Luân	K17SDHCH	K24ĐTVT	4,770,000	7,552,500	0	12,322,500	
45	17025116	Nguyễn Văn Luật	K17SDHCH	K24ĐTVT	5,514,000	7,552,500	0	13,066,500	
46	17025117	Nguyễn Văn Nam	K17SDHCH	K24ĐTVT	25,695,000	7,552,500	0	33,247,500	
47	17025119	Trần Minh Nhân	K17SDHCH	K24ĐTVT	25,695,000	7,552,500	0	33,247,500	
48	17025124	Nguyễn Hữu Giang	K17SDHCH	K24ĐTVT	25,695,000	7,552,500	0	33,247,500	
49	17025115	Dương Hồng Hà	K17SDHCH	K24ĐTVT	26,919,000	7,552,500	0	34,471,500	
50	17025118	Nguyễn Trọng Nghĩa	K17SDHCH	K24ĐTVT	30,609,000	7,552,500	0	38,161,500	
51	17025067	Nguyễn Trọng Hưng	K17SDHCH	K24ĐTVT	32,547,000	7,552,500	0	40,099,500	
52	17025081	Lã Thị Thanh Nga	K17SDHCH	K24HTTT	0	7,552,500	0	7,552,500	
53	17025082	Nguyễn Anh Ngọc	K17SDHCH	K24HTTT	0	7,552,500	0	7,552,500	
54	17025084	Nguyễn Thị Quỳnh	K17SDHCH	K24HTTT	0	7,552,500	0	7,552,500	
55	17025079	Vũ Mạnh Cường	K17SDHCH	K24HTTT	2,480,000	7,552,500	0	10,032,500	
56	17025133	Nguyễn Thị Liên	K17SDHCH	K24HTTT	3,180,000	7,552,500	0	10,732,500	
57	17025076	Hà Thị Hào	K17SDHCH	K24HTTT	4,770,000	7,552,500	0	12,322,500	
58	17025083	Hoàng Xuân Phương	K17SDHCH	K24HTTT	4,770,000	7,552,500	0	12,322,500	
59	17025085	Lưu Quang Thắng	K17SDHCH	K24HTTT	4,770,000	7,552,500	0	12,322,500	
60	17025018	Tạ Văn Đức	K17SDHCH	K24HTTT	7,950,000	7,552,500	0	15,502,500	
61	17025025	Nguyễn Hữu Lương	K17SDHCH	K24HTTT	7,950,000	7,552,500	0	15,502,500	
62	17025040	Đỗ Thanh Tuyền	K17SDHCH	K24HTTT	7,950,000	7,552,500	0	15,502,500	
63	17025088	Phan Văn Việt	K17SDHCH	K24HTTT	15,570,000	7,552,500	0	23,122,500	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
64	17025009	Lâm Tăng Doan	K17SDHCH	K24HTTT	15,825,000	7,552,500	0	23,377,500	
65	17025011	Nguyễn Quang Hưng	K17SDHCH	K24HTTT	16,725,000	7,552,500	0	24,277,500	
66	17025010	Phạm Văn Đắc	K17SDHCH	K24HTTT	17,400,000	7,552,500	0	24,952,500	
67	17025021	Nguyễn Đắc Huy	K17SDHCH	K24HTTT	18,525,000	7,552,500	0	26,077,500	
68	17025035	Lê Thành Thiện	K17SDHCH	K24HTTT	18,525,000	7,552,500	0	26,077,500	
69	17025039	Lê Văn Trọng	K17SDHCH	K24HTTT	24,876,000	7,552,500	0	32,428,500	
70	17025038	Lại Thị Huyền Trang	K17SDHCH	K24HTTT	29,487,000	7,552,500	0	37,039,500	
71	17025014	Nguyễn Quang Dũng	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500	0	38,596,500	
72	17025015	Đỗ Hoàng Dương	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500	0	38,596,500	
73	17025016	Vũ Ngọc Đăng	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500	0	38,596,500	
74	17025019	Bùi Văn Hà	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500	0	38,596,500	
75	17025024	Nguyễn Thái Lâm	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500	0	38,596,500	
76	17025026	Phan Xuân Lượng	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500	0	38,596,500	
77	17025027	Thang Tiên Mạnh	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500	0	38,596,500	
78	17025029	Nguyễn Quang Ninh	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500	0	38,596,500	
79	17025030	Ngô Tiến Quân	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500	0	38,596,500	
80	17025034	Nguyễn Mạnh Thắng	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500	0	38,596,500	
81	17025037	Nguyễn Đăng Tiếp	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500	0	38,596,500	
82	17025041	Ngô Mạnh Tường	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500	0	38,596,500	
83	17025042	Lê Như ý	K17SDHCH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500	0	38,596,500	
84	17025017	Nguyễn Công Đạo	K17SDHCH	K24HTTT	31,323,000	7,552,500	0	38,875,500	
85	17025075	Nguyễn Việt Dũng	K17SDHCH	K24HTTT	0	7,950,000	0	7,950,000	
86	17025096	Trịnh Xuân Đồng	K17SDHCH	K24KHMT	0	7,552,500	0	7,552,500	
87	17025098	Đào Văn Hải	K17SDHCH	K24KHMT	0	7,552,500	0	7,552,500	
88	17025103	Phạm Nhật Linh	K17SDHCH	K24KHMT	0	7,552,500	0	7,552,500	
89	17025107	Nguyễn Hồng Thanh	K17SDHCH	K24KHMT	0	9,040,500	0	9,040,500	
90	17025097	Kiều Minh Đức	K17SDHCH	K24KHMT	7,002,000	7,552,500	0	14,554,500	
91	17025104	Trần Tuấn Linh	K17SDHCH	K24KHMT	7,002,000	7,552,500	0	14,554,500	
92	17025111	Hà Đức Văn	K17SDHCH	K24KHMT	7,002,000	7,552,500	0	14,554,500	
93	17025045	Hoàng Anh Dũng	K17SDHCH	K24KHMT	7,950,000	7,552,500	0	15,502,500	
94	17025052	Trần Ngọc Linh	K17SDHCH	K24KHMT	7,950,000	7,552,500	0	15,502,500	
95	17025061	Đình Văn Việt	K17SDHCH	K24KHMT	7,950,000	7,552,500	0	15,502,500	
96	17025062	Hà Thị Hải Yến	K17SDHCH	K24KHMT	8,625,000	7,552,500	0	16,177,500	
97	17025056	Nguyễn Minh Sơn	K17SDHCH	K24KHMT	12,414,000	7,552,500	0	19,966,500	
98	17025101	Nguyễn Mạnh Hùng	K17SDHCH	K24KHMT	13,995,000	7,552,500	0	21,547,500	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
99	17025106	Nguyễn Quang Nam	K17SDHCH	K24KHMT	14,739,000	7,552,500	0	22,291,500	
100	17025048	Phan Hưng Hà	K17SDHCH	K24KHMT	16,500,000	7,552,500	0	24,052,500	
101	17025064	Phạm Thị Hải Yến	K17SDHCH	K24KHMT	16,500,000	7,552,500	0	24,052,500	
102	17025047	Nguyễn Văn Định	K17SDHCH	K24KHMT	17,850,000	7,552,500	0	25,402,500	
103	17025049	Vũ Hữu Huân	K17SDHCH	K24KHMT	19,425,000	7,552,500	0	26,977,500	
104	17025057	Đông Văn Tài	K17SDHCH	K24KHMT	21,225,000	7,552,500	0	28,777,500	
105	17025043	Đỗ Minh Cảnh	K17SDHCH	K24KHMT	22,350,000	7,552,500	0	29,902,500	
106	17025095	Kiều Hải Đăng	K17SDHCH	K24KHMT	25,695,000	7,552,500	0	33,247,500	
107	17025102	Vũ Trung Kiên	K17SDHCH	K24KHMT	25,695,000	7,552,500	0	33,247,500	
108	17025108	Trác Quang Thịnh	K17SDHCH	K24KHMT	25,695,000	7,552,500	0	33,247,500	
109	17025050	Ngô Quang Hùng	K17SDHCH	K24KHMT	25,725,000	7,552,500	0	33,277,500	
110	17025046	Phạm Văn Điệp	K17SDHCH	K24KHMT	25,950,000	7,552,500	0	33,502,500	
111	17025055	Nguyễn Văn Phong	K17SDHCH	K24KHMT	32,139,000	7,552,500	0	39,691,500	
112	17025044	Lại Đức Chung	K17SDHCH	K24KHMT	20,169,000	9,040,500	0	29,209,500	
113	17025058	Lê Đỗ Tân	K17SDHCH	K24KHMT	0	10,732,500	0	10,732,500	
114	17025110	Lê Xuân Tùng	K17SDHCH	K24KHMT	0	12,322,500	0	12,322,500	
115	17025008	Phạm Văn Trường	K17SDHCH	K24KTPM	0	7,552,500	0	7,552,500	
116	17025072	Phùng Thị Hương	K17SDHCH	K24KTPM	4,770,000	7,552,500	0	12,322,500	
117	17025074	Nguyễn Anh Tuấn	K17SDHCH	K24KTPM	19,845,000	7,552,500	0	27,397,500	
118	17025004	Phí Bá Chiến	K17SDHCH	K24KTPM	19,875,000	7,552,500	0	27,427,500	
119	17025005	Kiều Đức Hạnh	K17SDHCH	K24KTPM	22,332,000	7,552,500	0	29,884,500	
120	17025071	Bùi Thanh Hoa	K17SDHCH	K24KTPM	0	9,040,500	0	9,040,500	
121	17025006	Nguyễn Minh Hằng	K17SDHCH	K24KTPM	11,670,000	10,528,500	0	22,198,500	
122	18025041	Đỗ Đức Tâm	K18SDHCH	K25ATTT	7,950,000	7,552,500	0	15,502,500	
123	18025001	Hoàng Trọng Hiếu	K18SDHCH	K25ATTT	17,895,000	7,552,500	0	25,447,500	
124	18025042	Nguyễn Tuấn Anh	K18SDHCH	K25ATTT	20,550,000	7,552,500	0	28,102,500	
125	18025046	Đình Thu Giang	K18SDHCH	K25ATTT	20,550,000	7,552,500	0	28,102,500	
126	18025043	Phạm Tuấn Anh	K18SDHCH	K25ATTT	25,014,000	7,552,500	0	32,566,500	
127	18025044	Hoàng Văn Dũng	K18SDHCH	K25ATTT	25,014,000	7,552,500	0	32,566,500	
128	18025045	Phạm Tiến Dũng	K18SDHCH	K25ATTT	25,014,000	7,552,500	0	32,566,500	
129	18025047	Trần Thọ Hoàng	K18SDHCH	K25ATTT	25,014,000	7,552,500	0	32,566,500	
130	18025048	Nguyễn Tiến Mạnh	K18SDHCH	K25ATTT	25,014,000	7,552,500	0	32,566,500	
131	18025049	Nguyễn Thị Quyên	K18SDHCH	K25ATTT	25,014,000	7,552,500	0	32,566,500	
132	18025050	Lê Thanh Tùng	K18SDHCH	K25ATTT	25,014,000	7,552,500	0	32,566,500	
133	18025051	Phạm Thế Vịnh	K18SDHCH	K25ATTT	25,014,000	7,552,500	0	32,566,500	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
134	18025076	Khuất Duy Huy	K18SDHCH	K25CĐT	8,694,000	7,552,500	0	16,246,500	
135	18025077	Đặng Thế Linh	K18SDHCH	K25CĐT	8,694,000	7,552,500	0	16,246,500	
136	18025078	Nghiêm Văn Tú	K18SDHCH	K25CĐT	0	7,950,000	0	7,950,000	
137	18025074	Trần Thị Thanh Huyền	K18SDHCH	K25CKT	0	7,552,500	0	7,552,500	
138	18025075	Hoàng Ngọc Quý	K18SDHCH	K25CKT	0	7,552,500	0	7,552,500	
139	18025040	Vũ Văn Sơn	K18SDHCH	K25HTTT	0	7,552,500	0	7,552,500	
140	18025014	Phan Thanh Sang	K18SDHCH	K25HTTT	16,320,000	7,552,500	0	23,872,500	
141	18025009	Nguyễn Mạnh Hưng	K18SDHCH	K25HTTT	19,020,000	7,552,500	0	26,572,500	
142	18025010	Trần Văn Khánh	K18SDHCH	K25HTTT	19,020,000	7,552,500	0	26,572,500	
143	18025020	Phùng Lê Thanh Tùng	K18SDHCH	K25HTTT	19,020,000	7,552,500	0	26,572,500	
144	18025017	Đặng Quốc Trung	K18SDHCH	K25HTTT	20,370,000	7,552,500	0	27,922,500	
145	18025011	Nguyễn Triều Lăng	K18SDHCH	K25HTTT	21,720,000	7,552,500	0	29,272,500	
146	18025018	Hà Minh Tuấn	K18SDHCH	K25HTTT	21,720,000	7,552,500	0	29,272,500	
147	18025019	Tạ Mạnh Tuấn	K18SDHCH	K25HTTT	21,720,000	7,552,500	0	29,272,500	
148	18025002	Nguyễn Công Chiến	K18SDHCH	K25HTTT	24,696,000	7,552,500	0	32,248,500	
149	18025003	Đỗ Đức Cường	K18SDHCH	K25HTTT	24,696,000	7,552,500	0	32,248,500	
150	18025004	Nguyễn Thanh Cường	K18SDHCH	K25HTTT	24,696,000	7,552,500	0	32,248,500	
151	18025005	Nguyễn Đức Đông	K18SDHCH	K25HTTT	24,696,000	7,552,500	0	32,248,500	
152	18025007	Nguyễn Hữu Hải	K18SDHCH	K25HTTT	24,696,000	7,552,500	0	32,248,500	
153	18025008	Nguyễn Thị Huyền	K18SDHCH	K25HTTT	24,696,000	7,552,500	0	32,248,500	
154	18025012	Đào Đại Nghĩa	K18SDHCH	K25HTTT	24,696,000	7,552,500	0	32,248,500	
155	18025013	Phạm Minh Nguyên	K18SDHCH	K25HTTT	24,696,000	7,552,500	0	32,248,500	
156	18025015	Nguyễn Công Thắng	K18SDHCH	K25HTTT	24,696,000	7,552,500	0	32,248,500	
157	18025016	Nguyễn Huy Tinh	K18SDHCH	K25HTTT	24,696,000	7,552,500	0	32,248,500	
158	18025021	Nguyễn Tiên Uy	K18SDHCH	K25HTTT	24,696,000	7,552,500	0	32,248,500	
159	18025006	Đỗ Hồng Giang	K18SDHCH	K25HTTT	3,224,000	9,040,500	0	12,264,500	
160	18025052	Bùi Trung Anh	K18SDHCH	K25KHMT	744,000	7,552,500	0	8,296,500	
161	18025029	Lưu Hoàng Tùng	K18SDHCH	K25KHMT	1,488,000	7,552,500	0	9,040,500	
162	18025055	Bùi Quang Cường	K18SDHCH	K25KHMT	1,488,000	7,552,500	0	9,040,500	
163	18025061	Trần Minh Tuấn	K18SDHCH	K25KHMT	1,488,000	7,552,500	0	9,040,500	
164	18025027	Nguyễn Đức Trung	K18SDHCH	K25KHMT	2,232,000	7,552,500	0	9,784,500	
165	18025057	Trương Ngọc Kiên	K18SDHCH	K25KHMT	2,232,000	7,552,500	0	9,784,500	
166	18025059	Trần Công Nam	K18SDHCH	K25KHMT	3,224,000	7,552,500	0	10,776,500	
167	18025053	Nguyễn Văn Công	K18SDHCH	K25KHMT	9,438,000	7,552,500	0	16,990,500	
168	18025054	Phan Đoàn Cương	K18SDHCH	K25KHMT	11,174,000	7,552,500	0	18,726,500	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
169	18025023	Nguyễn Văn Đan	K18SDHCH	K25KHMT	16,995,000	7,552,500	0	24,547,500	
170	18025022	Hoàng Tuấn Anh	K18SDHCH	K25KHMT	17,670,000	7,552,500	0	25,222,500	
171	18025026	Đặng Minh Thắng	K18SDHCH	K25KHMT	17,895,000	7,552,500	0	25,447,500	
172	18025028	Nguyễn Anh Tú	K18SDHCH	K25KHMT	10,926,000	9,040,500	0	19,966,500	
173	18025025	Đỗ Huy Quang	K18SDHCH	K25KHMT	13,158,000	12,016,500	0	25,174,500	
174	18025072	Phạm Tiến Thành	K18SDHCH	K25KTDT	1,488,000	7,552,500	0	9,040,500	
175	18025034	Trần Văn Việt	K18SDHCH	K25KTDT	7,950,000	7,552,500	0	15,502,500	
176	18025033	Cung Văn Trang	K18SDHCH	K25KTDT	9,438,000	7,552,500	0	16,990,500	
177	18025070	Nguyễn Như Cường	K18SDHCH	K25KTDT	9,438,000	7,552,500	0	16,990,500	
178	18025035	Nguyễn Thị Hoàng Yên	K18SDHCH	K25KTDT	10,430,000	7,552,500	0	17,982,500	
179	18025071	Trương Việt Phương	K18SDHCH	K25KTDT	10,926,000	7,552,500	0	18,478,500	
180	18025032	Đậu Hồng Quân	K18SDHCH	K25KTDT	16,821,000	7,552,500	0	24,373,500	
181	18025031	Nguyễn Tuấn Linh	K18SDHCH	K25KTDT	19,245,000	7,552,500	0	26,797,500	
182	18025069	Nguyễn Đặng Chiến	K18SDHCH	K25KTDT	22,125,000	7,552,500	0	29,677,500	
183	18025062	Lê Thế Huy	K18SDHCH	K25KTPM	2,232,000	7,552,500	0	9,784,500	
184	18025065	Chu Thừa Vũ	K18SDHCH	K25KTPM	2,232,000	7,552,500	0	9,784,500	
185	18025038	Bùi Ngọc Quang	K18SDHCH	K25KTPM	2,480,000	7,552,500	0	10,032,500	
186	18025036	Lê Minh Đức	K18SDHCH	K25KTPM	2,976,000	7,552,500	0	10,528,500	
187	18025063	Trần Thu Trang	K18SDHCH	K25KTPM	9,438,000	7,552,500	0	16,990,500	
188	18025073	Dương Ngọc Sơn	K18SDHCH	K25KTVT	2,232,000	7,552,500	0	9,784,500	
189	18025066	Nguyễn Khắc Hưng	K18SDHCH	K25MMT-TTDL	744,000	7,552,500	0	8,296,500	
190	18025039	Nguyễn Tuấn Anh	K18SDHCH	K25QLHTTT	9,686,000	7,552,500	0	17,238,500	
191	18025068	Phùng Quang Luyện	K18SDHCH	K25QLHTTT	10,926,000	7,552,500	0	18,478,500	
192	18025067	Nguyễn Quỳnh Dương	K18SDHCH	K25QLHTTT	24,270,000	7,552,500	0	31,822,500	
193	18025079	Trần Văn Hiệp	K18SDHCH	K25VL-LKNN	0	7,552,500	0	7,552,500	
194	18025080	Trần Đức Huy	K18SDHCH	K25VL-LKNN	0	7,552,500	0	7,552,500	
195	18025081	Nguyễn Ngọc Huyền	K18SDHCH	K25VL-LKNN	0	7,552,500	0	7,552,500	
196	18025082	Nguyễn Việt Hùng	K18SDHCH	K25VL-LKNN	7,950,000	7,552,500	0	15,502,500	
197	19025018	Trần Tuấn Minh	K19SDHCH	K26ATTT	3,224,000	7,552,500	0	10,776,500	
198	19025019	Nguyễn Công Thao	K19SDHCH	K26ATTT	3,720,000	7,552,500	0	11,272,500	
199	19025017	Nguyễn Khuyến	K19SDHCH	K26ATTT	3,968,000	7,552,500	0	11,520,500	
200	19025001	Nguyễn Văn Tiến	K19SDHCH	K26ATTT	4,470,000	7,552,500	0	12,022,500	
201	19025048	Nguyễn Hữu Đại	K19SDHCH	K26CĐT	11,174,000	7,552,500	0	18,726,500	
202	19025049	Nguyễn Cảnh Thắng	K19SDHCH	K26CĐT	11,174,000	7,552,500	0	18,726,500	
203	19025003	Dương Tuấn Nhật	K19SDHCH	K26HTTT	3,968,000	7,552,500	0	11,520,500	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
204	19025023	Phan Thị May	K19SDHCH	K26HTTT	3,968,000	7,552,500	0	11,520,500	
205	19025002	Phạm Gia Huy	K19SDHCH	K26HTTT	6,950,000	7,552,500	0	14,502,500	
206	19025006	Nguyễn Hoàng Quân	K19SDHCH	K26KHMT	0	7,552,500	0	7,552,500	
207	19025009	Nguyễn Tiên Việt	K19SDHCH	K26KHMT	992,000	7,552,500	0	8,544,500	
208	19025005	Nguyễn Thành Nhân	K19SDHCH	K26KHMT	2,232,000	7,552,500	0	9,784,500	
209	19025007	Ngô Xuân Trường	K19SDHCH	K26KHMT	2,232,000	7,552,500	0	9,784,500	
210	19025004	Nguyễn Văn Hiếu	K19SDHCH	K26KHMT	2,976,000	7,552,500	0	10,528,500	
211	19025027	Lã Đức Chính	K19SDHCH	K26KHMT	2,976,000	7,552,500	0	10,528,500	
212	19025026	Nguyễn Tuấn Anh	K19SDHCH	K26KHMT	3,720,000	7,552,500	0	11,272,500	
213	19025029	Nguyễn Quang Minh	K19SDHCH	K26KHMT	3,720,000	7,552,500	0	11,272,500	
214	19025025	Nguyễn Hoàng Anh	K19SDHCH	K26KHMT	3,968,000	7,552,500	0	11,520,500	
215	19025028	Trần Xuân Đạt	K19SDHCH	K26KHMT	3,968,000	7,552,500	0	11,520,500	
216	19025030	Nguyễn Hữu Quang	K19SDHCH	K26KHMT	3,968,000	7,552,500	0	11,520,500	
217	19025031	Văn Đăng Sơn	K19SDHCH	K26KHMT	3,968,000	7,552,500	0	11,520,500	
218	19025035	Nguyễn Hoàng Tuấn	K19SDHCH	K26KHMT	3,968,000	7,552,500	0	11,520,500	
219	19025024	Triệu Hoàng An	K19SDHCH	K26KHMT	4,414,000	7,552,500	0	11,966,500	
220	19025032	Lương Thị Kim Thoa	K19SDHCH	K26KHMT	4,464,000	7,552,500	0	12,016,500	
221	19025034	Nguyễn Đình Tuấn	K19SDHCH	K26KHMT	4,712,000	7,552,500	0	12,264,500	
222	19025042	Nguyễn Thu Hằng	K19SDHCH	K26KTĐT	3,720,000	7,552,500	0	11,272,500	
223	19025016	Vũ Đình Ngọc	K19SDHCH	K26KTĐT	4,712,000	7,552,500	0	12,264,500	
224	19025043	Vương Quang Huy	K19SDHCH	K26KTĐT	4,712,000	7,552,500	0	12,264,500	
225	19025044	Nguyễn Đức Thắng	K19SDHCH	K26KTĐT	4,712,000	7,552,500	0	12,264,500	
226	19025045	Vũ Minh Trung	K19SDHCH	K26KTĐT	4,712,000	7,552,500	0	12,264,500	
227	19025037	Nguyễn Văn Hiệp	K19SDHCH	K26KTPM	3,720,000	7,552,500	0	11,272,500	
228	19025038	Đặng Tiên Long	K19SDHCH	K26KTPM	3,720,000	7,552,500	0	11,272,500	
229	19025039	Mai Thanh Minh	K19SDHCH	K26KTPM	3,720,000	7,552,500	0	11,272,500	
230	19025011	Trần Xuân Tĩnh	K19SDHCH	K26KTPM	5,214,000	7,552,500	0	12,766,500	
231	19025012	Nguyễn Quốc Trịnh	K19SDHCH	K26KTPM	5,214,000	7,552,500	0	12,766,500	
232	19025013	Lâm Văn Tùng	K19SDHCH	K26KTPM	5,214,000	7,552,500	0	12,766,500	
233	19025046	Doãn Mạnh Duy	K19SDHCH	K26KTVT	4,712,000	7,552,500	0	12,264,500	
234	19025040	Nguyễn Quang Huy	K19SDHCH	K26MMT	3,968,000	7,552,500	0	11,520,500	
235	19025041	Nguyễn Trọng Sinh	K19SDHCH	K26MMT	3,968,000	7,552,500	0	11,520,500	
236	19025051	La Văn Năm	K19SDHCH	K26VL-LKNN	2,480,000	7,950,000	0	10,430,000	
		TỔNG HP CAO HỌC			3,331,316,000	1,806,412,500	0	5,137,728,500	
237	14028019	Lương Thanh Nhạn	K14SDHNS	K21NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
238	14028020	Lê Hoàng Quỳnh	K14SDHNS	K21NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
239	14028024	Lương Xuân Trường	K14SDHNS	K21NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
240	14028025	Nguyễn Ngọc Vũ	K14SDHNS	K21NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
241	15028003	Trần Hoàng Việt	K15SDHNS	K22NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
242	15028009	Phạm Văn Hà	K15SDHNS	K22NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
243	15028015	Trần Tuấn Vinh	K15SDHNS	K22NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
244	15028017	Nguyễn Ngọc Khải	K15SDHNS	K22NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
245	15028022	Quách Xuân Trường	K15SDHNS	K22NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
246	15028026	Vũ Quốc Tuấn	K15SDHNS	K22NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
247	15028001	Nguyễn Minh Tân	K15SDHNS	K22NCS	1,250,000	12,587,500	0	13,837,500	
248	15028014	Phạm Thanh Tùng	K15SDHNS	K22NCS	3,510,000	12,587,500	0	16,097,500	
249	15028004	Nguyễn Ngọc Tân	K15SDHNS	K22NCS	13,250,000	12,587,500	0	25,837,500	
250	15028024	Giản Quốc Anh	K15SDHNS	K22NCS	13,250,000	12,587,500	0	25,837,500	
251	15028021	Bùi Anh Tú	K15SDHNS	K22NCS	13,560,000	12,587,500	0	26,147,500	
252	15028005	Nguyễn Thị Kim Oanh	K15SDHNS	K22NCS	25,250,000	12,587,500	0	37,837,500	
253	15028008	Phạm Thanh Huyền	K15SDHNS	K22NCS	25,250,000	12,587,500	0	37,837,500	
254	15028012	Nguyễn Ngọc Khương	K15SDHNS	K22NCS	30,050,000	12,587,500	0	42,637,500	
255	15028016	Lê Bá Cường	K15SDHNS	K22NCS	30,050,000	12,587,500	0	42,637,500	
256	15028018	Nguyễn Hạnh Phúc	K15SDHNS	K22NCS	30,050,000	12,587,500	0	42,637,500	
257	15028023	Kiều Minh Việt	K15SDHNS	K22NCS	30,050,000	12,587,500	0	42,637,500	
258	15028025	Trần Huy Toàn	K15SDHNS	K22NCS	30,050,000	12,587,500	0	42,637,500	
259	15028028	Nguyễn Thanh Hải	K15SDHNS	K22NCS	30,050,000	12,587,500	0	42,637,500	
260	15028002	Trần Đình Vương	K15SDHNS	K22NCS	48,125,000	12,587,500	0	60,712,500	
261	15028010	Nguyễn Thanh Thụy	K15SDHNS	K22NCS	51,800,000	12,587,500	0	64,387,500	
262	16028006	Bùi Văn Tân	K16SDHNS	K23NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
263	16028007	Ngô Thị Vinh	K16SDHNS	K23NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
264	16028009	Nguyễn Thị Hạnh	K16SDHNS	K23NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
265	16028017	Kiều Thanh Bình	K16SDHNS	K23NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
266	16028019	Mai Mạnh Trùng	K16SDHNS	K23NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
267	16028020	Đỗ Nam	K16SDHNS	K23NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
268	16028021	Trần Sỹ Trọng Khanh	K16SDHNS	K23NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
269	16028001	Nguyễn Thị Chăm	K16SDHNS	K23NCS	13,250,000	12,587,500	0	25,837,500	
270	16028010	Nguyễn Thị Hồng Loan	K16SDHNS	K23NCS	13,250,000	12,587,500	0	25,837,500	
271	16028012	Nguyễn Đức Sử	K16SDHNS	K23NCS	13,250,000	12,587,500	0	25,837,500	
272	16028014	Phùng Công Phi Khanh	K16SDHNS	K23NCS	13,250,000	12,587,500	0	25,837,500	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
273	16028013	Nguyễn Văn Đức	K16SDHNS	K23NCS	37,250,000	12,587,500	0	49,837,500	
274	16028005	Ngô Chí Nguyễn	K16SDHNS	K23NCS	48,125,000	12,587,500	0	60,712,500	
275	17028001	Nguyễn Dương Hùng	K17SDHNS	K24NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
276	17028003	Nguyễn Thọ Thông	K17SDHNS	K24NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
277	17028005	Trần Nguyên Hương	K17SDHNS	K24NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
278	17028007	Nguyễn Thị Thùy Liên	K17SDHNS	K24NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
279	17028008	Bùi Thị Hà	K17SDHNS	K24NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
280	17028012	Dương Thị Hằng	K17SDHNS	K24NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
281	17028013	Nguyễn Đình Dur	K17SDHNS	K24NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
282	17028015	Phạm Minh Phúc	K17SDHNS	K24NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
283	17028016	Nguyễn Văn Thành	K17SDHNS	K24NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
284	17028021	Nguyễn Thị Khánh Vân	K17SDHNS	K24NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
285	17028002	Nguyễn Văn Thẩm	K17SDHNS	K24NCS	13,250,000	12,587,500	0	25,837,500	
286	17028004	Nguyễn Thị Hồng Nhung	K17SDHNS	K24NCS	13,250,000	12,587,500	0	25,837,500	
287	17028006	Trần Văn Mạnh	K17SDHNS	K24NCS	13,250,000	12,587,500	0	25,837,500	
288	17028011	Phạm Văn Thành	K17SDHNS	K24NCS	13,250,000	12,587,500	0	25,837,500	
289	17028014	Hoàng Văn Mạnh	K17SDHNS	K24NCS	13,250,000	12,587,500	0	25,837,500	
290	17028018	Phan Hải	K17SDHNS	K24NCS	13,250,000	12,587,500	0	25,837,500	
291	17028023	Đình Văn Nam	K17SDHNS	K24NCS	13,250,000	12,587,500	0	25,837,500	
292	17028025	Phí Công Huy	K17SDHNS	K24NCS	13,250,000	12,587,500	0	25,837,500	
293	17028019	Trần Văn Hậu	K17SDHNS	K24NCS	25,250,000	12,587,500	0	37,837,500	
294	17028020	Hồ Anh Tâm	K17SDHNS	K24NCS	25,250,000	12,587,500	0	37,837,500	
295	17028024	Mai Đức Thọ	K17SDHNS	K24NCS	25,250,000	12,587,500	0	37,837,500	
296	17028009	Lê Văn Luân	K17SDHNS	K24NCS	37,250,000	12,587,500	0	49,837,500	
297	17028010	Vũ Xuân Mạnh	K17SDHNS	K24NCS	37,250,000	12,587,500	0	49,837,500	
298	17028017	Phan Nguyễn Đức Dược	K17SDHNS	K24NCS	48,125,000	12,587,500	0	60,712,500	
299	18028001	Nguyễn Minh Hải	K18SDHNS	K25KHMT	0	12,587,500	0	12,587,500	
300	18028003	Lê Kim Thư	K18SDHNS	K25KHMT	13,070,000	12,587,500	0	25,657,500	
301	18028002	Vũ Minh Mạnh	K18SDHNS	K25KHMT	13,250,000	12,587,500	0	25,837,500	
302	18028006	Phạm Đình Nguyễn	K18SDHNS	K25NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
303	18028005	Lưu Việt Hưng	K18SDHNS	K25NCS	25,250,000	12,587,500	0	37,837,500	
304	18028007	Nguyễn Thị Dung	K18SDHNS	K25NCS	25,250,000	12,587,500	0	37,837,500	
305	19028003	Bùi Minh Tuấn	K19SDHNS	K26NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
306	19028004	Bùi Thanh Hương	K19SDHNS	K26NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
307	19028007	Nguyễn Đức Anh	K19SDHNS	K26NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
308	19028008	Nguyễn Quang Trung	K19SDHNS	K26NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
309	19028009	Đào Mạnh Hiệp	K19SDHNS	K26NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
310	19028010	Mai Thị Ngọc ánh	K19SDHNS	K26NCS	0	12,587,500	0	12,587,500	
311	19028006	Lê Việt Hà	K19SDHNS	K26NCS	1,170,000	12,587,500	0	13,757,500	
312	18028004	Phạm Hữu Tùng	K18SDHNS	K2MMT&TTDL	25,070,000	12,587,500	0	37,657,500	
		TỔNG HP NCS			921,355,000	956,650,000	0	1,878,005,000	